

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HS-ST
Ngày 27 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2024/HS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Tô Văn Đ, sinh năm 1957 tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: Khu phố PH, phường PT, thị xã BL, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn Đ1 (đã chết) và bà Hà Thị T, sinh năm: 1934; bị cáo có 04 anh em, lớn nhất là bị can, nhỏ nhất sinh năm 1980.

Tiền án:

- Ngày 21/10/1978, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé xử phạt 18 năm tù về các tội “Cướp tài sản riêng công dân”, “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và “Trộm cắp tài sản riêng công dân”. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 01/02/1993.

- Ngày 13/01/1996, bị Cáo bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, 06 năm tù về tội “Chiếm đoạt, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” đối với hành vi thực hiện ngày 20/5/1994, tổng hình phạt là 18 năm tù. Bị cáo chấp hành

xong án phạt tù ngày 19/4/2011, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 50.000 đồng, án phí hình sự phúc thẩm số tiền 50.000 đồng ngày 08/4/2005.

- Ngày 08/5/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 24/12/2013. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 25/9/2016, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm số tiền 400.000 đồng ngày 19/8/2014. Đối với bồi thường dân sự số tiền 8.000.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát từ ngày 31/7/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994, địa chỉ thường trú: Khu phố 3A, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1994, địa chỉ thường trú: Thôn 4, xã NĐ, huyện ĐRL, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở: Khu phố 3A, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Đắc Q, sinh năm 1983, địa chỉ thường trú: 81C khu phố BĐ, phường TL, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa, chỗ ở: Khu phố PH, phường PT, thị xã BL, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 15/4/2023, Tô Văn Đ được bạn tên Tùng (không rõ lai lịch) rủ đến quán cà phê (không rõ tên, địa chỉ) thuộc khu vực phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương uống nước. Tại đây, Tùng rủ Đ đi tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Đ đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô hiệu TAURUS biển số: 79H4-3611, còn Tùng điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến trước nhà ông Nguyễn Thanh T cạnh đường DA5 thuộc khu phố 5, phường TH, thị xã BC, Đ và Tùng phát hiện nhà không có người bên trong nên giấu xe mô tô vào bụi cây ven đường gần đó, rồi Tùng lén lút đi đến chỗ cánh cửa phía sau cầm kéo cắt tôn rồi luồn tay vào trong mở chốt cửa. Sau đó, Tùng cảnh giới để Đ vào trong nhà, đi lên lầu vào phòng ngủ lục tìm lấy được 01 nhẫn vàng mặt vuông 18K, trọng lượng 3,2 chỉ trong ngăn kéo bàn trang điểm và 01 con heo đất màu xanh để trên tủ

quần áo. Đ đem con heo đất đi ra bãi đất trống phía sau nhà anh Toàn đập bể, lấy hết tiền và nhẫn vàng trộm được đưa cho Tùng. Sau đó, Tùng và Đ điều khiển xe mô tô đi đến căn nhà bỏ hoang thuộc khu vực thành phố Thủ Dầu Một, Tùng đưa cho Đ số tiền 15.000.000 đồng, còn Tùng giữ nhẫn vàng và số tiền trộm được còn lại rồi Tùng đi đâu không rõ. Tiền có được, Đ tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 18 giờ ngày 30/7/2023, Đ điều khiển xe mô tô biển số: 79H4-3611 chạy trên đường DA5 ngang qua nhà ông Toàn, thì ông Toàn thấy Đ giống với đối tượng lấy trộm nhẫn vàng và số tiền 25.000.000 đồng của mình nên giữ Đ lại và trình báo Công an phường Thới Hòa. Tại đây, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu TAURUS biển số: 79H4-3611.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Tô Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Theo Kết luận định giá tài sản số 105 ngày 08/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 nhẫn vàng mặt vuông 18K, trọng lượng 3,2 chỉ, trị giá 12.198.400 đồng.

Xe mô tô biển số: 79H4-3611 do ông Nguyễn Đắc Q đứng tên đăng ký. Tháng 4/2023, ông Nguyễn Đắc Q cho Tô Văn Đ mượn xe sử dụng làm phương tiện đi lại.

* Về xử lý vật chứng: Ngày 28/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giao trả: 01 xe mô tô biển số: 79H4-3611 cho ông Nguyễn Đắc Q.

*Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Thanh Toàn và bà Phạm Thị Thu H là vợ của ông Toàn yêu cầu Tô Văn Đ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng tên Tùng (không rõ lai lịch) có hành vi “Trộm cắp tài sản”, hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

Bản Cáo trạng số 71/CT-VKS-BC ngày 23/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Tô Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tô Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Tô Văn Đ 03 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

Về vật chứng: Đã xử lý xong.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định.

Bị cáo Tô Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng, kết luận điều tra và không tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại; biên bản giữ tiếp nhận người phạm tội ra tự thú và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Đến khoảng 20 giờ 20 phút ngày 15/4/2023, Tô Văn Đ và đối tượng tên Tùng (không rõ lai lịch) đi đến trước nhà ông Nguyễn Thanh T cạnh đường DA5 thuộc khu phố 5, phường TH, thị xã BC, Tùng lén lút đi đến chỗ cánh cửa phía sau cầm kéo cắt tôn rồi luồn tay vào trong mở chốt cửa và đứng cảnh giới. Đ có hành vi lén lút vào trong nhà, đi lên lầu vào phòng ngủ lục tìm lấy được 01 nhẫn vàng mặt vuông 18K, trọng lượng 3,2 chỉ, trị giá 12.198.400 đồng trong ngăn kéo bàn trang điểm và 01 con heo đất màu xanh bên trong có có số tiền 25.000.000 đồng để trên tủ quần áo của ông Nguyễn Thanh Toàn và bà Phạm Thị Thu H. Sau đó, Tùng chia cho Đ số tiền 15.000.000 đồng và Đ đã tiêu xài hết, còn Tùng giữ nhẫn vàng và số tiền trộm được còn lại rồi Tùng đi đâu không rõ.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 37.198.400 đồng và thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Tô Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi:

Bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại đã lén lút chiếm đoạt là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân nhưng vì bản chất tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu cá nhân.

Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đầu thú tại cơ quan điều tra đối với hành vi phạm tội đã thực hiện nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có 03 tiền án:

- Ngày 21/10/1978, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé xử phạt 18 năm tù về các tội “Cướp tài sản riêng công dân”, “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và “Trộm cắp tài sản riêng công dân”. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 01/02/1993.

- Ngày 13/01/1996, bị cáo bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, 06 năm tù về tội “Chiếm đoạt, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” đối với hành vi thực hiện ngày 20/5/1994, tổng hình phạt là 18 năm tù. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 19/4/2011, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 50.000 đồng, án phí hình sự phúc thẩm số tiền 50.000 đồng ngày 08/4/2005.

- Ngày 08/5/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 24/12/2013. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 25/9/2016, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm số tiền 400.000 đồng ngày 19/8/2014. Đối với bồi thường dân sự số tiền 8.000.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành), tỉnh Bình Phước chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số: 79H4-3611 của ông Nguyễn Đắc Q. Ông Quốc cho bị cáo Đ mượn xe làm phương tiện đi làm và không biết bị cáo Đ

dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giao trả xe mô tô trên cho ông Nguyễn Đắc Q nên không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ tự nguyện bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Thanh T và bà Phạm Thị Thu số tiền là 37.198.400 đồng (ba mươi bảy triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

[9] Đối với đối tượng tên Tùng (không rõ lai lịch) có hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo Đ: Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh, điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với mức hình phạt: Xét bị cáo đã đầu thú với hành vi phạm tội gây ra và bị cáo cũng trên 60 tuổi nên việc giảm mức hình phạt cho bị cáo nhẹ hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng không làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh và phòng ngừa chung.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo Tô Văn Đ trên 60 tuổi, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Tô Văn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tô Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2023.

2. Về vật chứng: Đã xử lý xong.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Tô Văn Đ bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Thanh T và bà Phạm Thị Thu H số tiền là 37.198.400 đồng (ba mươi bảy triệu, một trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Tô Văn Đ được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Lý

Nguyễn Thị Thắm

Lại Thị Ngọc Bích